

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B; sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 155/18 Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Yu Chang M; sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn T, Phường D, TK, TL, tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc.

Địa chỉ liên hệ: Số 155/18 Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/4/2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Yu Chang M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung tên là Yu Nguyễn Bội B, sinh ngày 04/12/2006, (giới tính Nữ); Yu Bảo B, sinh ngày 23/02/2011 (giới tính Nam); Yu Bình B, sinh ngày 24/10/2012, (giới tính Nam) cho đến ngày các con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông Yu Chang M không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cấm và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên hoặc một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con (*theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014*).

Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Yu Chang M tự thỏa thuận tài sản chung và nợ chung, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*” của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai số AA/2016/0014750 ngày 01/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà B đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng KTNV & THA;
- Cục THA dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV– HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng